

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các tiêu chí thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 -2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025-2030;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Hướng dẫn số 1984/HD-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

Căn cứ Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh sách các nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 121/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2026 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, như sau:

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là các công trình, cơ sở vật chất và địa điểm được đầu tư, xây dựng nhằm tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí, học tập và sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn xã, thôn, tổ dân phố.

2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã là thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, được tổ chức, quản lý và vận hành theo quy định, có chức năng tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, tuyên truyền, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí và các hoạt động phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của Nhân dân trên địa bàn.

3. Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn là thiết chế văn hóa, thể thao ở cộng đồng dân cư, gồm nhà văn hóa và khu vực, công trình thể dục thể thao, phục vụ

các hoạt động sinh hoạt cộng đồng, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí và các hoạt động xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

4. Điểm sinh hoạt cộng đồng là địa điểm, công trình được bố trí để phục vụ các hoạt động sinh hoạt, giao lưu, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí và các hoạt động cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Hoạt động văn hóa cơ sở là các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền, thể dục, thể thao, phát triển văn hóa đọc, hoạt động câu lạc bộ, vui chơi, giải trí và các hoạt động khác được tổ chức thường xuyên tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn.

6. Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở là việc tổ chức thực hiện các nội dung xây dựng gia đình văn hóa, thôn, tổ dân phố văn hóa; thực hiện hương ước, quy ước; bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống; phòng, chống bạo lực gia đình; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng và thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

7. Câu lạc bộ, đội, nhóm văn hóa, thể thao là tổ chức hoặc nhóm người được thành lập trên cơ sở tự nguyện, có quy chế hoặc nội dung hoạt động cụ thể, nhằm duy trì thường xuyên một hoặc một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.

8. Hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên là việc cá nhân hoặc hộ gia đình tham gia tập luyện thể dục, thể thao theo hình thức phù hợp, được duy trì định kỳ nhằm nâng cao sức khỏe.

9. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là hoạt động giữ gìn, bảo vệ, phục hồi, thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị của di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

10. Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa là việc ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số và các nền tảng số vào công tác quản lý, bảo tồn, khai thác, cung cấp dịch vụ và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, thư viện và di sản.

11. Mô hình du lịch nông thôn là loại hình du lịch được tổ chức tại khu vực nông thôn, khai thác các giá trị về cảnh quan, văn hóa, lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề, sản phẩm địa phương và đời sống cộng đồng để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách du lịch.

12. Đạt chuẩn là việc cơ sở vật chất, thiết chế hoặc nội dung hoạt động đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn và mức quy định tương ứng của tiêu chí.

13. Hồ sơ minh chứng là các văn bản, tài liệu, số liệu, hình ảnh và các tài liệu có liên quan được sử dụng để chứng minh kết quả thực hiện các nội dung, chỉ tiêu của tiêu chí.

14. Xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 là các nhóm xã được phân loại theo quy định, làm căn cứ áp dụng mức yêu cầu cụ thể của các tiêu chí thuộc

lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

15. Kiểm tra thực tế là việc kiểm tra trực tiếp tại địa điểm, công trình, thiết chế, hoạt động hoặc mô hình để đối chiếu với báo cáo, hồ sơ minh chứng và yêu cầu của tiêu chí.

II. YÊU CẦU NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐỐI VỚI TỪNG XÃ

1. NỘI DUNG 5.3 “XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA”

1.1. Đối với xã nhóm 1*

1.1.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

(1) Vị trí, quy hoạch và điều kiện tiếp cận: Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

(2) Quy mô, kiến trúc và hệ thống công trình: Có thiết kế kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

(3) Diện tích xây dựng Trung tâm phải bảo đảm:

- Quy định về định mức sử dụng đất đối với cơ sở văn hóa và thể dục thể thao:

+ Về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa theo công trình: Dân số dưới 5.000 người, diện tích công trình từ 500m²-1.000m²; dân số trên 5.000 người, diện tích công trình từ 1.000m²-3.000m².

+ Về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo công trình: Sân tập thể thao đơn giản, diện tích công trình từ 200m²-1.200m²; sân vận động, diện tích từ 6.000m²-7.000m²; cơ sở thể dục thể thao, diện tích từ 500m²-600m²; nhà thi đấu và nhà tập luyện đa năng, diện tích từ 500m²-600m²; bể bơi, diện tích từ 500m²-600m².

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành:

+ Quy định về hệ thống công trình Văn hóa - Thể dục thể thao cấp đô thị: Sân thể thao cơ bản, diện tích tối thiểu 0,6m²/người và 10.000m²/công trình; sân vận động, diện tích tối thiểu 0,8m²/người và 25.000m²/công trình; Trung tâm Văn hóa - Thể thao, diện tích tối thiểu 0,8m²/người và 30.000m²/công trình.

+ Quy định về hệ thống công trình Văn hóa - Thể dục thể thao cấp đơn vị ở: Sân chơi, diện tích tối thiểu 0,5m²/người; sân tập luyện, diện tích tối thiểu 0,5m²/người và 300m²/công trình; Trung tâm Văn hóa - Thể thao, diện tích tối thiểu 5.000m²/công trình.

+ Quy định về quy mô tối thiểu các công trình văn hóa, thể thao công cộng: Nhà văn hóa 1.000m²/công trình; phòng truyền thống 200m²/công trình;

thư viện 200m²/công trình; hội trường 100 chỗ/công trình; cụm công trình, sân bãi thể thao 5.000m²/cụm.

(4) Công trình chức năng bắt buộc: Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

(5) Có trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao gồm: Thiết bị âm thanh, ánh sáng, phong, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao và tại các khu đô thị, khu dân cư, thôn, tổ dân phố và tương đương và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

(1) Thư viện công cộng cấp xã: Bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01: 2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh.

(2) Tài nguyên thông tin: Có ít nhất 2.000 bản sách và 02 đầu báo, tạp chí (khuyến khích sử dụng báo điện tử) được xử lý theo quy tắc nghiệp vụ thư viện.

(3) Có cơ sở vật chất và tiện ích thư viện bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được bố trí ở gần cộng đồng dân cư hoặc vị trí giao thông thuận tiện.
- Không gian thư viện phải đáp ứng yêu cầu: Kho bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ và khu vệ sinh.
- Bảo đảm tối thiểu 40m² đối với không gian đọc cho người sử dụng thư viện.
- Có các phương tiện, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của người làm công tác thư viện và phục vụ người sử dụng thư viện; bảo đảm các thiết bị, phương tiện bảo quản tài nguyên thông tin, an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy.

- Người làm công tác thư viện tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên, đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

(4) Diện tích thư viện cấp xã tối thiểu đạt 200m²/công trình trở lên.

c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng

- 100% thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó tối thiểu 70% đạt chuẩn; 100% khu đô thị mới có Nhà văn hóa - Khu thể thao và đạt chuẩn theo quy định.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn:

(1) Đáp ứng quy định về tổ chức, hoạt động và tiêu chí:

+ Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động ngắn hạn, dài hạn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân trên địa bàn.

+ Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thường xuyên, thu hút từ 50% trở lên/tổng số dân.

+ Các hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên, thu hút từ 25% trở lên/tổng số dân.

+ Các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em, thu hút 30% thời gian hoạt động.

+ Tham gia các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

+ Xây dựng cơ sở vật chất: Hội trường từ 100 chỗ ngồi trở lên; sân khấu trong hội trường từ 30m² trở lên; sân tập thể thao đơn giản từ 250m² trở lên; các công trình phụ trợ như: Nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa (cây xanh), cổng, tường rào bảo vệ.

+ Đầu tư trang thiết bị: Bên trong hội trường gồm bộ âm thanh, bộ trang trí và khánh tiết, bàn ghế sinh hoạt, tủ sách, một số nhạc cụ truyền thống; ngoài trời lắp đặt một số dụng cụ thể dục thể thao phù hợp với địa phương.

(2) Diện tích công trình bảo đảm theo quy định về định mức sử dụng đất và quy chuẩn quy hoạch xây dựng: Từ 200m² -500m².

- 100% thôn, tổ dân phố có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố và các điểm sinh hoạt công cộng như: Nhà văn hóa ấp, nhà truyền thống, câu lạc bộ, thư viện, trường học, trạm y tế, Trung tâm văn hóa, sân thể thao, cửa hàng dịch vụ trung tâm, điểm phục vụ bưu chính viễn thông, có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

1.1.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có quyết định thành lập, quy chế hoạt động và vận hành hiệu quả.

- Hằng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 06 đến 08 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.

- Có từ 02 đến 04 đội, câu lạc bộ, nhóm sở thích (sau đây gọi chung là câu lạc bộ) được thành lập và hoạt động thường xuyên.

- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 04 hoạt động/năm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp tỉnh.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.

- Tối thiểu 75% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- + Không gian đọc, phòng đọc cơ sở đáp ứng các tiêu chí sau: Có tối thiểu 300 bản sách; có diện tích, hạ tầng bảo đảm việc bảo quản tài nguyên thông tin và phục vụ người sử dụng; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông, bảo đảm vệ sinh môi trường; bảo đảm trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; có người quản lý và nội quy phù hợp.

- + Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng: Có tối thiểu 2.000 bản sách (bao gồm tài liệu số); diện tích và hạ tầng bảo đảm bảo quản tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện với không gian đọc tối thiểu 25m² dành cho người sử dụng thư viện; bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan, trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông trong khu vực; người làm công tác thư viện phải tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên; tối thiểu 01 người có trình độ nghiệp vụ thư viện hoặc đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

- + Thư viện cộng đồng: Có tối thiểu 1.500 bản sách (bao gồm tài liệu số); diện tích và hạ tầng bảo đảm bảo quản tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện với không gian đọc tối thiểu 25m² dành cho người sử dụng thư viện; bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan, trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông trong khu vực; người làm công tác thư viện phải tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên; có tối thiểu 01 người đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố có ít nhất 01 Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 Câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cụ thể:

+ Câu lạc bộ thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Câu lạc bộ được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.

- 70% thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã có Câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

Có tối thiểu 35% hộ gia đình và 45% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

1.1.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) 100% thôn, làng (khu dân cư) có bản hương ước, quy ước được UBND cấp xã công nhận theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP ngày 16/8/2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình và thực hiện nghiêm yết tại Nhà văn hóa thôn; Phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

b) 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.

c) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa

- 90% thôn, làng (khu dân cư) được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

- Thôn, tổ dân phố được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Từ 98% số vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật.

- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả theo các tiêu chí sau:

- Xây dựng và tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo cấp xã triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

- Xây dựng và tổ chức các hoạt động của Câu lạc bộ xây dựng gia đình

phát triển bền vững.

- Tổ chức hoạt động của Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình.
- Đăng ký hoạt động địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.
- Tổ chức thu thập thông tin về bạo lực gia đình.

1.1.4. Về di sản văn hóa

a) Di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) (bao gồm di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ):

- 100% hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

b) Di tích cấp quốc gia đặc biệt và di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường

- 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có).

c) Di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa: Đảm bảo 100%.

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

d) Định kỳ hằng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Tối thiểu 01 lần/năm

đ) Định kỳ hằng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản: Tối thiểu tổ chức 01 lần/năm.

1.1.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: 90% trở lên các hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật được tin học hóa, chuyển đổi số.

b) Các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã: 100% được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông:

- Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động tốt.

- 100% thôn có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động tốt.

1.2. Đối với xã nhóm 2*

1.2.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã

(1) Vị trí, quy hoạch và điều kiện tiếp cận: Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

(2) Quy mô, kiến trúc và hệ thống công trình: Có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

(3) Diện tích xây dựng Trung tâm phải đảm bảo:

- Quy định về định mức sử dụng đất đối với cơ sở văn hóa và thể dục thể thao:

+ Về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa theo công trình: Dân số dưới 5.000 người, diện tích công trình từ 500m²-1.000m²; dân số trên 5.000 người, diện tích công trình từ 1.000m²-3.000m².

+ Về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo công trình: Sân tập thể thao đơn giản, diện tích công trình từ 200m²-1.200m²; sân vận động, diện tích từ 6.000m²-7.000m²; cơ sở thể dục thể thao, diện tích từ 500m²-600m²; nhà thi đấu và nhà tập luyện đa năng, diện tích từ 500m²-600m²; bể bơi, diện tích từ 500m²-600m².

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành:

+ Quy định về hệ thống công trình Văn hóa - Thể dục thể thao cấp đơn vị ở: Sân chơi, diện tích tối thiểu 0,5m²/người; sân tập luyện, diện tích tối thiểu 0,5m²/người và 300m²/công trình; Trung tâm Văn hóa - Thể thao, diện tích tối thiểu 5.000m²/công trình.

+ Quy định về quy mô tối thiểu các công trình văn hóa, thể thao công cộng: Nhà văn hóa 1.000m²/công trình; phòng truyền thống 200m²/công trình; thư viện 200m²/công trình; hội trường 100 chỗ/công trình; cụm công trình, sân bãi thể thao 5.000m²/cụm.

(4) Công trình chức năng bắt buộc: Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ

trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu đỗ xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

(5) Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: Thiết bị âm thanh, ánh sáng, phong, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao và tại các khu đô thị, khu dân cư, thôn, tổ dân phố và tương đương và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

(1) Thư viện công cộng cấp xã: Bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh.

(2) Tài nguyên thông tin: Có ít nhất 2.000 bản sách và 02 đầu báo, tạp chí (khuyến khích sử dụng báo điện tử) được xử lý theo quy tắc nghiệp vụ thư viện.

(3) Có cơ sở vật chất và tiện ích thư viện bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được bố trí ở gần cộng đồng dân cư hoặc vị trí giao thông thuận tiện.
- Không gian thư viện phải đáp ứng yêu cầu: Kho bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ và khu vệ sinh.
- Bảo đảm tối thiểu 40m² đối với không gian đọc cho người sử dụng thư viện.
- Có các phương tiện, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của người làm công tác thư viện và phục vụ người sử dụng thư viện; bảo đảm các thiết bị, phương tiện bảo quản tài nguyên thông tin, an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy.

- Người làm công tác thư viện tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên, đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

(4) Diện tích thư viện cấp xã tối thiểu đạt 200m²/công trình trở lên.

c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 100% thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó 70% đạt chuẩn.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn đạt chuẩn:

(1) Đáp ứng quy định về tổ chức, hoạt động và tiêu chí:

+ Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động ngắn hạn, dài hạn trình Chủ

tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân trên địa bàn.

+ Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thường xuyên, thu hút từ 50% trở lên/tổng số dân.

+ Các hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên, thu hút từ 25% trở lên/tổng số dân.

+ Các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em, thu hút 30% thời gian hoạt động.

+ Tham gia các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

+ Xây dựng cơ sở vật chất: Hội trường từ 100 chỗ ngồi trở lên; sân khấu trong hội trường từ 30m² trở lên; sân tập thể thao đơn giản từ 250m² trở lên; các công trình phụ trợ như nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa (cây xanh), cổng, tường rào bảo vệ.

+ Đầu tư trang thiết bị: Bên trong hội trường gồm bộ âm thanh, bộ trang trí và khánh tiết, bàn ghế sinh hoạt, tủ sách, một số nhạc cụ truyền thống; ngoài trời lắp đặt một số dụng cụ thể dục thể thao phù hợp với địa phương.

(2) Diện tích công trình bảo đảm theo quy định về định mức sử dụng đất và quy chuẩn quy hoạch xây dựng: Từ 200m²-500m².

- Điểm sinh hoạt công cộng: Từ 80% thôn trở lên có điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.

- Công tác quản lý, vận hành: 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và các điểm sinh hoạt công cộng có quy chế hoạt động; được quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

1.2.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có quyết định thành lập, quy chế quản lý và vận hành được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Hàng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 05 đến 07 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.

- Có từ 02 đến 04 đội, Câu lạc bộ được thành lập và hoạt động thường xuyên.

- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc:

tối thiểu 03 hoạt động/năm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp tỉnh.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.

- Tối thiểu 75% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- + Không gian đọc, phòng đọc cơ sở đáp ứng các tiêu chí sau: Có tối thiểu 300 bản sách; có diện tích, hạ tầng bảo đảm việc bảo quản tài nguyên thông tin và phục vụ người sử dụng; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông, bảo đảm vệ sinh môi trường; bảo đảm trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; có người quản lý; có nội quy phù hợp.

- + Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng: Có tối thiểu 2.000 bản sách (bao gồm tài liệu số); diện tích và hạ tầng bảo đảm bảo quản tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện với không gian đọc tối thiểu 25m² dành cho người sử dụng thư viện; bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan, trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông trong khu vực; người làm công tác thư viện phải tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên; tối thiểu 01 người có trình độ nghiệp vụ thư viện hoặc đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

- + Thư viện cộng đồng: Có tối thiểu 1.500 bản sách (bao gồm tài liệu số); diện tích và hạ tầng bảo đảm bảo quản tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện với không gian đọc tối thiểu 25m² dành cho người sử dụng thư viện; bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan, trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông trong khu vực; người làm công tác thư viện phải tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên; có ít nhất 01 người đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn có ít nhất 01 Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 Câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cụ thể:

- + Câu lạc bộ thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ.

- + Câu lạc bộ được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.

- 70% thôn có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

Có tối thiểu 35% hộ gia đình và 45% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

1.2.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) 100% thôn, làng (khu dân cư) có bản hương ước, quy ước được UBND cấp xã công nhận theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP, trong đó có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình và thực hiện niêm yết tại Nhà văn hóa thôn.

b) 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.

c) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa

- 85% thôn, làng (khu dân cư) được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

- Thôn, tổ dân phố được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP và các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Từ 95% số vụ bạo lực gia đình hằng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật.

- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả theo các tiêu chí sau:

- Xây dựng và tổ chức hoạt động của ban chỉ đạo cấp xã triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

- Xây dựng và tổ chức các hoạt động của Câu lạc bộ xây dựng gia đình phát triển bền vững.

- Tổ chức hoạt động của Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đăng ký hoạt động địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

- Tổ chức thu thập thông tin về bạo lực gia đình.

1.2.4. Về di sản văn hóa

a) Di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) (bao gồm di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ): 100% phải hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

b) Di tích cấp quốc gia đặc biệt và di tích cấp quốc gia trở lên trên địa

bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường

- 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có).

c) Di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa: Đảm bảo 100%.

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

d) Định kỳ hằng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Tối thiểu 01 lần/năm

đ) Định kỳ hằng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản: Tối thiểu tổ chức 01 lần/năm.

1.2.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: 90% trở lên các hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật được tin học hóa, chuyển đổi số.

b) Các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã: 100% được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông:

- Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động tốt.

- 100% thôn có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động tốt.

1.2.6. Về nhân lực quản lý văn hóa

a) Cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện cấp xã: 100% được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã: 100% được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

1.3. Đối với xã nhóm 3

1.3.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

(1) Vị trí, quy hoạch và điều kiện tiếp cận: Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

(2) Quy mô, kiến trúc và hệ thống công trình: Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

(3) Diện tích xây dựng Trung tâm phải đảm bảo:

- Quy định về định mức sử dụng đất đối với cơ sở văn hóa và thể dục thể thao:

- + Về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa theo công trình: Dân số dưới 5.000 người, diện tích công trình từ 500m²-1.000m²; dân số trên 5.000 người, diện tích công trình từ 1.000m²-3.000m².

- + Về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao theo công trình: Sân tập thể thao đơn giản, diện tích công trình từ 200m²-1.200m²; sân vận động, diện tích từ 6.000m²-7.000m²; cơ sở thể dục thể thao, diện tích từ 500m²-600m²; nhà thi đấu và nhà tập luyện đa năng, diện tích từ 500m²-600m²; bể bơi, diện tích từ 500m²-600m².

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành:

- + Quy định về hệ thống công trình Văn hóa - Thể dục thể thao cấp đơn vị ở: Sân chơi, diện tích tối thiểu 0,5m²/người; sân tập luyện, diện tích tối thiểu 0,5m²/người và 300m²/công trình; Trung tâm Văn hóa - Thể thao, diện tích tối thiểu 5.000m²/công trình.

- + Quy định về quy mô tối thiểu các công trình văn hóa, thể thao công cộng: Nhà văn hóa 1.000m²/công trình; phòng truyền thống 200m²/công trình; thư viện 200m²/công trình; hội trường 100 chỗ/công trình; cụm công trình, sân bãi thể thao 5.000m²/cụm.

- Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: Thiết bị âm thanh, ánh sáng, phong, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao và tại các khu đô thị,

khu dân cư, thôn, tổ dân phố và tương đương và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

(1) Thư viện công cộng cấp xã: Bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh.

(2) Tài nguyên thông tin: Có ít nhất 2.000 bản sách và 02 đầu báo, tạp chí (khuyến khích sử dụng báo điện tử) được xử lý theo quy tắc nghiệp vụ thư viện.

(3) Có cơ sở vật chất và tiện ích thư viện bảo đảm các yêu cầu sau:

- Được bố trí ở gần cộng đồng dân cư hoặc vị trí giao thông thuận tiện.
- Không gian thư viện phải đáp ứng yêu cầu: Kho bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ và khu vệ sinh.
- Bảo đảm tối thiểu 40m² đối với không gian đọc cho người sử dụng thư viện.
- Có các phương tiện, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của người làm công tác thư viện và phục vụ người sử dụng thư viện; bảo đảm các thiết bị, phương tiện bảo quản tài nguyên thông tin, an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy.
- Người làm công tác thư viện tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên, đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

(4) Diện tích thư viện cấp xã tối thiểu đạt 200m²/công trình trở lên.

c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 100% thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó 70% đạt chuẩn.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn đạt chuẩn:

(1) Đáp ứng quy định về tổ chức, hoạt động và tiêu chí:

+ Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động ngắn hạn, dài hạn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, sản xuất và đời sống của Nhân dân trên địa bàn.

+ Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thường xuyên, thu hút từ 50% trở lên/tổng số dân.

+ Các hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên, thu hút từ 25% trở lên/tổng số dân.

+ Các hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em, thu hút

30% thời gian hoạt động.

+ Tham gia các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

+ Xây dựng cơ sở vật chất: Hội trường từ 100 chỗ ngồi trở lên; sân khấu trong hội trường từ 30m² trở lên; sân tập thể thao đơn giản từ 250m² trở lên; các công trình phụ trợ như nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa (cây xanh), cổng, tường rào bảo vệ.

+ Đầu tư trang thiết bị: Bên trong hội trường gồm bộ âm thanh, bộ trang trí và khánh tiết, bàn ghế sinh hoạt, tủ sách, một số nhạc cụ truyền thống; ngoài trời lắp đặt một số dụng cụ thể dục thể thao phù hợp với địa phương.

(2) Diện tích công trình bảo đảm theo quy định về định mức sử dụng đất và quy chuẩn quy hoạch xây dựng: Từ 200m²-500m².

- Điểm sinh hoạt công cộng: Từ 80% thôn trở lên có điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.

- Công tác quản lý, vận hành: 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và các điểm sinh hoạt công cộng có quy chế hoạt động; được quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

1.3.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có quyết định thành lập, quy chế quản lý và vận hành được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Hằng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 05 đến 07 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.

- Có từ 02 đến 04 đội, Câu lạc bộ được thành lập và hoạt động thường xuyên.

- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 02 hoạt động/năm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp tỉnh.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.

- Tối thiểu 70% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các

điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

+ Không gian đọc, phòng đọc cơ sở đáp ứng các tiêu chí sau: Có tối thiểu 300 bản sách; có diện tích, hạ tầng bảo đảm việc bảo quản tài nguyên thông tin và phục vụ người sử dụng; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông, bảo đảm vệ sinh môi trường; bảo đảm trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; có người quản lý; có nội quy phù hợp.

+ Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng: Có tối thiểu 2.000 bản sách (bao gồm tài liệu số); diện tích và hạ tầng bảo đảm bảo quản tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện với không gian đọc tối thiểu 25m² dành cho người sử dụng thư viện; bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan, trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông trong khu vực; người làm công tác thư viện phải tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên; tối thiểu 01 người có trình độ nghiệp vụ thư viện hoặc đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

+ Thư viện cộng đồng: Có tối thiểu 1.500 bản sách (bao gồm tài liệu số); diện tích và hạ tầng bảo đảm bảo quản tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện với không gian đọc tối thiểu 25m² dành cho người sử dụng thư viện; bảo đảm vệ sinh môi trường, cảnh quan, trang thiết bị an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy; không ảnh hưởng tới trật tự, an toàn giao thông trong khu vực; người làm công tác thư viện phải tốt nghiệp từ trung học phổ thông trở lên; có ít nhất 01 người đã tham gia tập huấn hoặc được hướng dẫn nghiệp vụ về thư viện.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn có ít nhất 01 Câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 Câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cụ thể:

+ Câu lạc bộ thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Câu lạc bộ được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.

- 60% thôn có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

Có tối thiểu 30% hộ gia đình và 40% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

1.3.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) 100% thôn, làng (khu dân cư) có bản hương ước, quy ước được UBND cấp xã công nhận theo Nghị định số 61/2023/NĐ-CP, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình và thực hiện niêm yết tại Nhà văn hóa thôn; Phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả. Nâng cao

chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động trong Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

b) 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.

c) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa

- 80% thôn, tổ dân phố được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”.

- Thôn, tổ dân phố được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP và các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết tiêu chuẩn, cách thức đánh giá, bình xét danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Từ 93% số vụ bạo lực gia đình hằng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật.

- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả theo các tiêu chí sau:

- Xây dựng và tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo cấp xã triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

- Xây dựng và tổ chức các hoạt động của Câu lạc bộ xây dựng gia đình phát triển bền vững.

- Tổ chức hoạt động của Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đăng ký hoạt động địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

- Tổ chức thu thập thông tin về bạo lực gia đình.

1.3.4. Về di sản văn hóa

a) Di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) (bao gồm di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ): 100% phải hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

b) Di tích cấp quốc gia đặc biệt và di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường

- 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trên địa bàn (nếu có).

c) Di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa: Đảm bảo 100%.

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

d) Định kỳ hằng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Tối thiểu 01 lần/năm

đ) Định kỳ hằng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản: Tối thiểu tổ chức 01 lần/năm.

1.2.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: 90% trở lên các hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật được tin học hóa, chuyển đổi số.

b) Các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã: 100% được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông:

- Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động tốt.

- 100% thôn có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin -viễn thông hoạt động tốt.

1.3.6. Về nhân lực quản lý văn hóa

a) Cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện cấp xã: 100% được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã: 100% được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. NỘI DUNG TIÊU CHÍ 3.5: Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương”:

Yêu cầu nội dung tiêu chí

1. Đối với xã nhóm 1 và xã nhóm 2:

a) 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP;

b) Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).

2. Đối với xã nhóm 3:

a) 100% điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó, ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của xã được công nhận sản phẩm OCOP;

b) Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá).

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NỘI DUNG TIÊU CHÍ

1. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá kết quả thực hiện các nội dung tiêu chí được thực hiện trên cơ sở:

- Kết quả thực tế tại địa phương;
- Hồ sơ, tài liệu minh chứng do UBND cấp xã cung cấp;
- Kết quả kiểm tra thực tế đối với cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện và các mô hình hoạt động;
- Mức độ đáp ứng các quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn theo chuyên ngành và các yêu cầu của Bộ tiêu chí

2. Cách xác định kết quả đối với tiêu chí 5.3

Nội dung tiêu chí được xác định **“Đạt”** khi:

- Tất cả các yêu cầu thành phần tương ứng với nhóm xã được đáp ứng đầy đủ;
- Có đầy đủ báo cáo, hồ sơ, tài liệu minh chứng;
- Kết quả kiểm tra thực tế phù hợp với hồ sơ minh chứng;
- Các thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện được quản lý, khai thác và vận hành theo quy định.

Trường hợp không đáp ứng một trong các nội dung bắt buộc của tiêu chí thì được xác định **“Không đạt”**. Đối với các nội dung có yêu cầu về tỷ lệ, số lượng, diện tích hoặc tần suất hoạt động, UBND cấp xã phải lập bảng tổng hợp số liệu cụ thể, thể hiện tổng số, số đạt yêu cầu và tỷ lệ thực hiện để làm căn cứ đánh giá.

3. Đánh giá cơ sở vật chất

Đánh giá theo từng loại thiết chế

- Trung tâm Văn hóa- Thể thao cấp xã;
- Nhà Văn hóa- Khu thể thao thôn;
- Thư viện công cộng cấp xã;

- Điểm sinh hoạt cộng đồng;
- Các công trình sân bãi, sân thể dục thể thao;
- Các công trình phụ trợ và trang thiết bị phục vụ hoạt động.

Khi đánh giá phải đối chiếu giữa hồ sơ, số liệu báo cáo với hiện trạng thực tế về vị trí, diện tích, công năng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, mức độ sử dụng và hiệu quả khai thác.

4. Đánh giá hoạt động văn hóa cơ sở

Đánh giá trên cơ sở:

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động và Kế hoạch hoạt động hằng năm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã;
- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và Câu lạc bộ tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;
- Số lượng Câu lạc bộ, đội, nhóm;
- Số lượng tổ chức các hoạt động trong năm;

Đối với hoạt động thể dục, thể thao, xác định tỷ lệ hộ gia đình và người dân tham gia tập luyện thường xuyên theo nhóm xã

5. Đánh giá xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

Đánh giá các nội dung:

- Hương ước, quy ước;
- Lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng;
- Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”;
- Công tác phòng chống bạo lực gia đình;

Kết quả phải được chứng minh bằng văn bản công nhận, quyết định, danh mục, kế hoạch, báo cáo và các tài liệu liên quan.

6. Đánh giá di sản văn hóa

Đối với địa phương có di tích, di sản thuộc phạm vi tiêu chí, đánh giá theo:

- Tình trạng lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa;
- Kết quả tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị;
- Chương trình giáo dục di sản văn hóa;
- Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng;
- Hoạt động thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

Trường hợp địa phương không có loại hình di sản, di tích thuộc nội dung yêu cầu thì xác định theo tình hình thực tế và hồ sơ chứng minh của địa phương.

7. Đánh giá về chuyển đổi số, dữ liệu số

Đánh giá trên cơ sở:

- Mức độ tin học hóa, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật;
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ tại các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật;
- Tình trạng hoạt động của hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông;
- Cơ sở dữ liệu di sản văn hóa, di tích, lễ hội được cập nhập, số hóa.

8. Đánh giá về nhân lực quản lý văn hóa

Đánh giá trên cơ sở:

- Quyết định bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ
- Bằng cấp, chứng nhận, chứng chỉ
- Giấy chứng nhận hoặc tài liệu minh chứng việc đào tạo bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.
- Danh sách cán bộ, công tác viên, người tổ chức hoạt động

Yêu cầu về tỷ lệ đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo từng nhóm xã và phải đạt 100% đối với các đối tượng thuộc phạm vi tiêu chí.

9. Đánh giá về mô hình du lịch nông thôn

Mô hình du lịch nông thôn đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Điểm du lịch cung cấp dịch vụ trải nghiệm về nông nghiệp, làng nghề, sinh thái, văn hóa, homestay... (không bao gồm các khu du lịch nghỉ dưỡng, thể thao, mạo hiểm...) trong quy hoạch chung xã, hoặc chưa nằm trong quy hoạch nhưng không vi phạm các quy định về quản lý quy hoạch, sử dụng đất;

b) Có hệ thống hạ tầng đồng bộ, kết nối gồm:

- Hạ tầng giao thông: đường giao thông kết nối thuận lợi từ trục chính (quốc lộ, tỉnh lộ, đường xã) đến điểm du lịch; đường nội bộ trong khu du lịch đảm bảo an toàn, có phân luồng cho người đi bộ, xe đạp, xe điện (nếu có); bãi đỗ xe ô tô phù hợp với quy mô khách; hệ thống biển chỉ dẫn, chỉ đường, bản đồ du lịch thống nhất, dễ nhận diện;

- Hạ tầng môi trường: hệ thống điện, cung cấp nước sạch, thu gom và xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu theo quy định;

c) Được cơ quan có thẩm quyền công nhận gồm một trong các trường hợp dưới đây:

- Điểm du lịch hoặc điểm du lịch cộng đồng theo quy định tại Điều 23 Luật Du lịch, Điều 11 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;

- Sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên theo quy định của Thủ tướng Chính

phủ ban hành về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP.

IV. HỒ SƠ MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ

1. Hồ sơ minh chứng về cơ sở vật chất

- Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; Quy chế tổ chức, quản lý và hoạt động.

- Hồ sơ quy hoạch, xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; hồ sơ xác định diện tích đất, diện tích xây dựng.

- Danh mục phòng chức năng, công trình thể dục, thể thao, công trình phụ trợ và trang thiết bị.

- Hồ sơ về Thư viện công cộng cấp xã: quyết định thành lập, diện tích, tài nguyên thông tin, trang thiết bị và điều kiện bảo đảm hoạt động.

- Danh sách, bảng tổng hợp Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố; hồ sơ diện tích, quy mô, trang thiết bị và quy chế quản lý, sử dụng.

- Danh sách các điểm sinh hoạt cộng đồng, sân bãi, công trình thể dục, thể thao; danh mục dụng cụ thể thao, thiết bị vui chơi trẻ em.

- Bảng tổng hợp số lượng, diện tích, hiện trạng, tỷ lệ đạt chuẩn và tỷ lệ được khai thác, sử dụng.

- Hình ảnh minh chứng và biên bản kiểm tra thực tế.

2. Hồ sơ minh chứng về hoạt động văn hóa cơ sở

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã.

- Kế hoạch và báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền, thể dục, thể thao hàng năm.

- Danh sách đội, nhóm, câu lạc bộ và hồ sơ hoạt động.

- Hồ sơ, tài liệu về mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu.

- Hồ sơ hoạt động của Thư viện: lịch phục vụ, sổ theo dõi bạn đọc, lượt phục vụ, hoạt động phát triển văn hóa đọc.

- Danh sách, kế hoạch và báo cáo hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố.

- Hình ảnh, tài liệu minh chứng.

Các chỉ tiêu về hoạt động Trung tâm, câu lạc bộ, thư viện và phát triển văn hóa đọc phải có tài liệu chứng minh số lượng, tần suất và kết quả thực hiện.

3. Hồ sơ minh chứng về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

- Quyết định công nhận hương ước, quy ước của các thôn, tổ dân phố của UBND xã.

- Danh mục lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng.

- Quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của Ủy ban nhân dân xã. Bổ sung quyết định công nhận trong năm đề nghị (trường hợp đoàn thẩm định tỉnh kiểm tra vào giữa năm).

- Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Câu lạc bộ, Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy tại cộng đồng của cấp có thẩm quyền; kế hoạch hoạt động của các mô hình.

- Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện.

- Bảng tổng hợp tỷ lệ đạt các chỉ tiêu và hình ảnh minh chứng.

Hồ sơ cần thể hiện rõ kết quả thực hiện các nội dung về danh hiệu văn hóa, hương ước, quy ước, lễ hội và phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Hồ sơ minh chứng về di sản văn hóa

- Danh mục di tích, di sản văn hóa trên địa bàn xã.

- Hồ sơ quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

- Hồ sơ tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

- Kế hoạch, chương trình và báo cáo giáo dục di sản, trải nghiệm tìm hiểu văn hóa, lịch sử.

- Hồ sơ tập huấn, bồi dưỡng cộng đồng, chủ sở hữu di sản.

- Hồ sơ thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

- Hình ảnh, tài liệu chứng minh kết quả thực hiện.

Trường hợp xã không có di tích, di sản thuộc đối tượng yêu cầu thì lập báo cáo xác nhận của UBND xã về tình hình thực tế. Các nội dung di sản phải được chứng minh bằng kế hoạch, báo cáo, văn bản và hồ sơ liên quan.

5. Hồ sơ minh chứng về chuyển đổi số, dữ liệu số

- Đối với văn hóa, nghệ thuật: Quyết định thành lập/kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số. Kế hoạch chuyển đổi số của lĩnh vực văn hóa. Cơ sở dữ liệu di sản văn hóa/di tích số (Danh mục, hình ảnh, video, tài liệu mô tả di tích, lễ hội đã được cập nhật vào phần mềm quản lý hoặc số hóa).

- Đối với hệ thống truyền thanh: hệ thống phải đảm bảo hoạt động kỹ thuật, kết nối thông tin nguồn.

6. Hồ sơ minh chứng về nhân lực quản lý văn hóa

- Quyết định bổ nhiệm hoặc phân công nhiệm vụ.

- Bảng cấp hoặc chứng nhận/chứng chỉ bồi dưỡng/tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Hồ sơ minh chứng về mô hình du lịch cộng đồng

- Danh sách các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã.

- Quyết định công nhận điểm du lịch, điểm du lịch cộng đồng hoặc hồ sơ công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên.

- Hồ sơ, tài liệu chứng minh điều kiện cơ sở hạ tầng, dịch vụ và môi trường của điểm du lịch.
- Biểu mô tả kết quả thực hiện do UBND xã lập.
- Hình ảnh minh chứng thực tế.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Gia Lai của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Phòng Quản lý Văn hóa - Gia đình) để rà soát, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&MT;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, QLVHGD.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Diệu Hạnh

** Các xã thuộc nhóm 1, 2, 3 căn cứ theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.*

** Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.*